

Hoạt động giảng dạy ngữ pháp ứng dụng tại Học viện Ngân hàng

Phạm Thị Thanh Bình*

*ThS, Học viện Ngân hàng

Received: 7/01/2023; Accepted: 9/01/2023; Published: 13/01/2022

Abstract: Grammar, an important factor in language learning, has played a crucial role in mastering any languages. All language skills such as listening, speaking, reading, writing, and ESP subjects cannot be comprehended without a good background knowledge of grammar. The purpose of this article is to examine some of the teaching methods of Applied Grammar at BA.

Keywords: Teaching methods, Applied Grammar, Banking Academy, BA

1. Đặt vấn đề

Ngữ pháp là các quy tắc của một ngôn ngữ bao gồm một hệ thống các cấu trúc và khuôn mẫu có ý nghĩa được điều chỉnh bởi những hoàn cảnh có tính ứng dụng cụ thể. Trong quá trình học tập một ngoại ngữ, việc hiểu chính xác các cấu trúc ngôn ngữ và có khả năng ứng dụng nó trong các kỹ năng tiếng Anh khác là một điều vô cùng quan trọng, vì vậy giảng dạy môn Ngữ pháp cho người học là một yêu cầu thiết yếu và tiên quyết của việc giảng dạy ngoại ngữ. Thông qua môn học này, người học ngôn ngữ được học cách ứng dụng ngôn ngữ một cách chính xác nhất trong quá trình thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các chuyên ngành sâu trong tương lai.

Với duy nhất một môn NPUD (3 tín chỉ) trong cả khung chương trình đào tạo tại HVNH, nếu đem đối sánh với các trường Đại học khác như Đại học Văn Lang (9 tín chỉ, bao gồm Học phần Ngữ pháp 1, Ngữ pháp 2, Ngữ pháp 3), trường Đại học Cần Thơ (6 tín chỉ bao gồm Ngữ pháp trung cấp, Ngữ pháp cao cấp) thì thời lượng dành cho môn Ngữ pháp hiện nay đang chiếm một phần nhỏ, khối lượng kiến thức cung cấp cho người học vì thế phần nào cũng bị hạn chế. Về cơ bản, người học tại Việt Nam thường được chú trọng giảng dạy kiến thức ngữ pháp từ bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông nên có thể nhiều nhà giáo dục cho rằng nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản là khá dày so với các năng lực ngôn ngữ khác.

Tuy nhiên qua giảng dạy thực tế, nhóm GV môn Ngữ pháp trực tiếp nhận thấy SV thường xuyên mắc lỗi ngữ pháp cơ bản trong các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các môn học chuyên ngành như Viết, Nói, Dịch, Giao tiếp liên văn hoá,... Điều này gây trở ngại lớn cho không những bản thân người học vì họ không đủ năng lực để thông thạo ngôn ngữ đích, mà

còn có ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của GV các môn học được đề cập đến theo hướng tiêu cực.

Nhận thấy việc đánh giá tính hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập môn NPUD theo yêu cầu CĐR của môn học cần phải được tiến hành một cách cẩn thận, có quy trình, vì thế nhóm nghiên cứu tiến hành thực hiện đề tài: “**Nghiên cứu thực trạng dạy và học môn NPUD cho SV chuyên tiếng anh tại khoa Ngoại Ngữ, Học viện ngân hàng**” nhằm khảo sát quá trình dạy và học môn NPUD so với yêu cầu của CĐR, các khó khăn, hạn chế từ phía GV và SV để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện vấn đề được nêu ra.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giảng dạy ngữ pháp

Việc dạy ngữ pháp được Ellis (2006; tr.84) định nghĩa thành hai phạm trù lớn: định nghĩa hẹp và định nghĩa rộng. Định nghĩa hẹp làm rõ rằng dạy ngữ pháp giống như dạy ngữ pháp truyền thống liên quan đến “việc trình bày và thực hành các cấu trúc ngữ pháp rời rạc.” Ông giải thích thêm về định nghĩa rộng rãi của việc giảng dạy ngữ pháp là định nghĩa: “[...] liên quan đến bất kỳ kỹ thuật giảng dạy nào thu hút sự chú ý của người học vào một số dạng ngữ pháp cụ thể theo cách giúp họ hiểu nó theo ngôn ngữ kim loại và/hoặc xử lý nó theo cách hiểu và/hoặc sản xuất để họ có thể tiếp thu nó.”

Học một ngôn ngữ về cơ bản có nghĩa là học ngữ pháp của nó (Takala, 2016). Trong quá trình học, ngữ pháp chiếm vị trí trung tâm (Greenbaum và Nelson, 2002). Do đó, đã có một cuộc tranh luận về việc liệu ngữ pháp nên được dạy thông qua việc trình bày rõ ràng các quy tắc ngữ pháp hay thông qua việc sử dụng nó. SV ESL thảo luận về hai cách ngữ pháp có thể được dạy cho SV. Một là phương pháp quy nạp

và hai là phương pháp suy diễn (Thornbury, 1999). Takala (2016) giải thích cách tiếp cận suy luận là ‘giáo viên có thể thu hút học sinh của mình vào một chủ đề ngữ pháp mới bằng cách sử dụng các câu hỏi dẫn dắt và sau đó tự giới thiệu về chủ đề trong ngày’ (2016: 18), trong khi mô hình suy luận được áp dụng theo mô hình truyền thống. phương pháp dịch ngữ pháp.

2.2. Kết quả nghiên cứu và đề xuất.

Nhóm nghiên cứu tiến hành phát phiếu khảo sát 5 GV đã và đang giảng dạy môn NPUD tại khoa Ngoại ngữ, HVNH, kết quả thu được như sau:

2.2.1. Loại ngữ pháp tiếng Anh phù hợp với SV.

Bảng 2.1.. Kết quả khảo sát về loại ngữ pháp tiếng Anh phù hợp với SV

Chỉ tiêu	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
Ngữ pháp truyền thống	4.4	0.489
Ngữ pháp cấu trúc	2.2	0.4
Ngữ pháp biến đổi - phát sinh	2.2	0.4
Ngữ pháp chức năng	2.2	0.4
Ngữ pháp sự phạm	2.2	0.4

Nguồn: Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát chỉ rõ loại ngữ pháp phù hợp để giảng dạy SV nhất là “Ngữ pháp truyền thống” với điểm TB là 4.4, độ lệch chuẩn 0.489 cho thấy sự đồng nhất giữa các câu trả lời của GV. Với các nội dung còn lại, GV cho rằng những loại ngữ pháp như ngữ pháp cấu trúc, ngữ pháp biến đổi- phát sinh hay chức năng, sự phạm không phù hợp với việc giảng dạy SV. Theo các GV chia sẻ, ngữ pháp truyền thống bắt nguồn trong quá khứ và hầu như giữ nguyên được những quy tắc, cấu trúc ngữ pháp cũ, không bị hiện đại hóa bởi những thay đổi theo văn hóa hiện đại ngày nay và thường được áp dụng chính thức trong các trường học. Do vậy, đối với loại hình ngữ pháp này, SV sẽ có được nền tảng ngữ pháp chuẩn mực nhất để ứng dụng vào các kỹ năng ngôn ngữ cũng như văn viết học thuật, tuy nhiên sẽ khá cứng nhắc khi được ứng dụng trong giao tiếp.

2.3.2. Phương pháp giảng dạy phù hợp với SV.

Bảng 2.2. Đánh giá của GV về phương pháp giảng dạy phù hợp với SV

Chỉ tiêu	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
Phương pháp ngữ pháp - dịch	4.4	0.489
Phương pháp trực tiếp	3.4	0.489
Phương pháp dạy ngữ pháp theo mô hình nghe – nói	3.2	0.489
Phân tích lỗi và liên ngôn ngữ	3.6	0.489
Phương pháp hình thành năng lực giao tiếp	3.4	0.489

Nguồn: Kết quả khảo sát

Theo kết quả khảo sát, phương pháp ngữ pháp – dịch được GV đánh giá ở mức cao với Điểm TB là 4.4 và độ lệch chuẩn 0.489 cho thấy sự đồng nhất về ý kiến về phương pháp giảng dạy này. Các phương pháp còn lại được đánh giá ở mức trung bình, giao động quanh mức 3.2 đến 3.6. Theo chia sẻ của một số GV, phương pháp ngữ pháp – dịch là phương pháp truyền thống, được giảng dạy trong nhiều năm, có rất nhiều ưu điểm là SV nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp, học nhiều từ vựng. Tuy nhiên nó cũng có nhược điểm là giao tiếp ứng dụng ngữ pháp bị hạn chế. Trong khi đó phương pháp dạy ngữ pháp theo mô hình nghe-nói và phương pháp trực tiếp không thể thực hiện được do mô hình lớp học đông (40-50 SV/ lớp), thiếu đặc thù dành cho SV ngôn ngữ, GV cho rằng 2 phương pháp này chỉ hiệu quả với một lớp nhóm nhỏ tầm 10-15 người.

2.3. Đề xuất về phương pháp giảng dạy của GV bộ môn

Để giúp GV có thể áp dụng linh hoạt và đa dạng hóa các hình thức giảng dạy, tác giả đề xuất phương pháp giảng dạy chủ động như sau:

TT	Tên phương pháp	Mô tả tóm tắt	Lợi ích cho người học
Giúp SV học tập chủ động (Active Learning)			
1	Động não (Brainstorming)	-GV nêu vấn đề cần giải quyết, quy định thời gian và cách làm việc - SV làm việc cá nhân, liệt kê nhanh các ý tưởng	- Phát triển tư duy sáng tạo - Biết cách đưa ra giải pháp và đề xuất
2	Chia sẻ theo cặp (Think – pair – share)	- GV nêu vấn đề cần thảo luận, quy định thời gian và cách chia sẻ - SV làm việc theo cặp, lắng nghe và trình bày ý kiến, bảo vệ và phản bác	- Hình thành và phát triển khả năng giao tiếp - Xây dựng và phát triển tư duy suy xét, phân biện (critical thinking)
3	Tổ chức học tập theo nhóm (Group-based learning)	- GV tổ chức lớp học theo nhóm và chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - Mỗi nhóm nhận một nhiệm vụ học tập và cùng hợp tác để thực hiện.	- Tăng cường kỹ năng làm việc nhóm - Cùng cố kỹ năng giao tiếp
4	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- GV xây dựng “vấn đề” có liên quan đến nội dung dạy học. - SV được giao giải đáp “vấn đề” trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	- Nhận diện và giải quyết vấn đề - Đề xuất các giải pháp - Trao đổi, phân xét, cân bằng trong hướng giải quyết

5	Phương pháp đóng vai (Roleplay teaching)	- GV chuẩn bị “kịch bản” có nội dung liên quan đến môn học. - Một số SV được phân vai để thực hiện “kịch bản”. Số SV còn lại đóng vai trò khán giả và người đánh giá.	- Tư duy suy xét, phân biện (critical thinking) - Nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân	8	Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning)	- GV liên hệ cộng đồng và nối kết các vấn đề cộng đồng với các lý thuyết môn học, tổ chức hoạt động học, tổ chức hoạt động giải quyết vấn đề của cộng đồng, áp dụng các kiến thức được học	- Thể hiện vai trò và trách nhiệm đối với xã hội - Nhận biết được bối cảnh các tổ chức xã hội - Ham tìm hiểu và học tập suốt đời
Giúp SV học qua trải nghiệm (Experiential learning)							
6	Day học thông qua làm dự án (Project-based learning)	GV chuẩn bị nội dung các đồ án môn học. - SV được giao thực hiện đồ án trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	- Lập giả thiết - Kỹ năng thiết kế - triển khai - Kỹ năng thuyết trình	7	Nghiên cứu tình huống (Case study)	GV xây dựng “case” có liên quan đến nội dung dạy học. - SV được giao giải đáp “case” trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm	- Đề ra các giải pháp - Ước lượng và phân tích định tính

Tài liệu tham khảo

1. Brown, H. D. & Heekyeong Lee (2001). *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language pedagogy*. New York: Addison Wesley Longman.
2. Celce-Murcia, M., Brinton, D., & Ann Snow, M. (2014). *Teaching English as a Second or Foreign Language (4th edition)*. UK: Heinle Cengage Learning.
3. Cowan, R. (2008). *The Teacher’s Grammar of English*. New York: Cambridge University Press.
4. Ellis, R. (2006) ‘Current issues in the teaching of grammar: An SLA perspective’, *Tesol Quarterly*, 40(1), 83-107.

Thiết kế hoạt động dạy học vật lý nhằm tích cực... (tiếp theo trang 44)

2	Ý tưởng thiết kế	- Mô hình nhà chống lũ - Kích thước, hình dáng - Bản vẽ, các mặt cắt, ...
3	Chọn và chuẩn bị nguyên vật liệu	- Danh sách các vật liệu cần dùng - Số lượng - Những vật liệu phụ, trang trí, ...
4	Thực hiện	- Gia công vật liệu - Lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm - Hoàn thiện bài báo cáo
5	Báo cáo	- Học sinh báo cáo sản phẩm hoàn thiện, trình bày từ khâu ý tưởng đến khi hoàn thành - Trưng bày sản phẩm, công năng, ... - Lắng nghe nhận xét, đánh giá, góp ý của giáo viên và học sinh khác.

Tương tự, giáo viên có thể cho học sinh các chủ đề với mức độ khó khác nhau tùy lớp và thời gian cho phép để học sinh được trải nghiệm và quen dần với hoạt động dạy học STEM, phát huy tối đa tính tích cực cho học sinh. Có thể tổ chức theo hình thức cá nhân, nhóm hoặc mở rộng thành các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật.

Ví dụ 4. Thiết kế khu vui chơi vận dụng các máy cơ đơn giản đã học, sử dụng các vật liệu đơn giản, dễ tìm xung quanh.

Ví dụ 5. Thiết kế một thấu kính hội tụ từ bóng đèn tròn (không còn sử dụng), ...

3. Kết luận

Dạy học nói chung, dạy học vật lý và các môn khoa học thực nghiệm nói riêng, giáo viên nên tổ chức đa dạng các hình thức học tập, phương pháp dạy học phong phú hơn, cho học sinh tham gia thực hành thí nghiệm ở nhiều hình thức và mức độ khác nhau tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất của trường. Tuy nhiên, giáo viên có thể chủ động thiết kế thí nghiệm thay thế nếu đồ dùng chưa có hoặc bị hư hỏng, thông qua đó, cho học sinh tham gia trải nghiệm và thực hiện các dự án thí nghiệm, bước đầu tham gia các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật. Đây là một trong những hình thức giúp học sinh học tập tích cực hơn, phát huy được tính sáng tạo cho học sinh và góp phần giúp các em yêu thích môn học hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Hoàng Anh (chủ biên), *Giáo trình “Sử dụng thí nghiệm trong dạy học Vật lý”*, NXB Đại học Cần Thơ, 2020.
- [2]. <https://worksheets.theteacherscorner.net/make-your-own/word-search/#top>.